

Số: 2199/QĐ-UBND

Hung Yên, ngày 31 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh sách viên chức và công chức cấp xã
thực hiện tinh giản biên chế đợt II/2018 theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ Công văn số 3631/BNV-TCBC ngày 02/8/2018 của Bộ Nội vụ về việc thẩm tra danh sách tinh giản biên chế đợt II năm 2018 của tỉnh Hưng Yên;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ và Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình liên ngành số 490/TTrLN-SNV-STC ngày 27/8/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách 10 viên chức và công chức cấp xã đã được Bộ Nội vụ thống nhất thực hiện tinh giản biên chế đợt II năm 2018, hưởng chính sách về hưu trước tuổi theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế, gồm:

1. Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập: 07 người;
2. Công chức cấp xã: 03 người.

Điều 2. Tổng số kinh phí thực hiện tinh giản biên chế là 1.244.003.501 đồng (*Một tỷ, hai trăm bốn mươi bốn triệu, không trăm linh ba nghìn, năm trăm linh một đồng*).

Nguồn kinh phí thực hiện: Trích từ nguồn làm lương của tỉnh năm 2018.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện: Kim Động, Khoái Châu, Tiên Lữ căn cứ danh sách viên chức và công chức cấp xã có tên tại Điều 1 Quyết định này kiểm tra lại các tiêu chuẩn, điều kiện thực hiện chính sách tinh giản biên chế trước khi ban hành quyết định giải quyết chế độ về hưu trước tuổi đối với từng đối tượng thuộc thẩm quyền quản lý, bảo đảm đúng nguyên tắc, trình tự và diễn biến tiền lương; thực hiện chi trả chế độ trợ cấp đối với những

người đủ điều kiện hưởng chế độ về hưu trước tuổi theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP.

2. Giao Sở Tài chính bố trí kinh phí đối với các cơ quan, đơn vị có đối tượng tinh giản biên chế để thực hiện việc chi trả chế độ trợ cấp theo quy định.

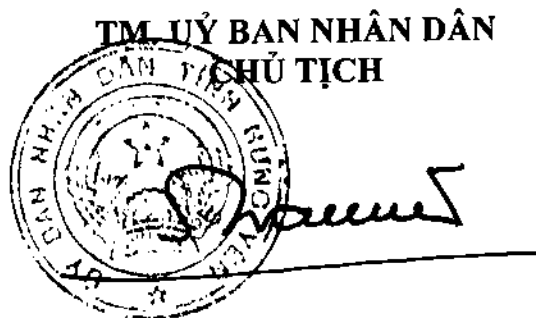
3. Giao Sở Nội vụ phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện việc giải quyết chính sách tinh giản biên chế theo đúng quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC.

4. Giao Bảo hiểm xã hội tỉnh phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội đối với các đối tượng tinh giản biên chế theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Nội vụ, Tài chính, Kho bạc nhà nước Hưng Yên, Bảo hiểm xã hội tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện: Kim Động, Khoái Châu, Tiên Lữ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /..../

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CVNC^{NH}



Nguyễn Văn Phóng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN

DANH SÁCH VIÊN CHỨC VÀ CÔNG CHỨC CẤP XÃ THỰC HIỆN TÌNH GIÀN BIÊN CHẾ ĐỘ II NĂM 2018
(Kèm theo Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

TT	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội và tên cán bộ, CCVC và người lao động	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn hiện đang đảm nhiệm	Thời điểm tình giãn biên chế	Kinh phí thực hiện tình giãn biên chế (đồng)						Lý do tình giãn
						Tổng cộng	Trợ cấp do thời gian nghỉ hưu trước tuổi	Trợ cấp do có đủ thời gian 20 năm đóng BHXH	Trợ cấp do có thời gian trên 20 năm đóng BHXH	Trợ cấp thâm việc	Trợ cấp do đóng BHXH	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
A	Khoá sự nghiệp					1.107.839.221	527.664.835	249.553.372	330.621.014	-	-	
1	Nguyễn Thị Thủy	15/9/1966	Trung cấp	Giáo viên Trường TH Hùng An, huyện Kim Động	1/9/2018	119.013.737	54.929.417	30.516.343	33.567.977			01 năm hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ
2	Trần Công Sơn	19/8/1961	Đại học	Giáo viên Trường THCS xã Ông Đình, huyện Khoái Châu	1/8/2018	196.938.306	83.803.535	41.901.767	71.233.004			01 năm hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ
3	Nguyễn Thị Thu Hương	29/5/1967	Trung cấp	Giáo viên Trường TH Đại Tập, huyện Khoái Châu	1/8/2018	136.146.851	71.315.017	32.415.917	32.415.917			01 năm hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ
4	Bùi Thị Hân	11/9/1967	Cao đẳng	Giáo viên Trường TH Phùng Hưng A, huyện Khoái Châu	1/8/2018	148.571.094	83.974.966	32.298.064	32.298.064			01 năm hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ
5	Lê Văn Sư	20/10/1962	Cao đẳng	Giáo viên Trường TH Tân Châu, huyện Khoái Châu	1/8/2018	185.268.596	94.450.657	36.327.176	54.490.763			01 năm hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ
6	Nguyễn Thị Huyền	1/5/1966	Cao đẳng	Giáo viên Trường TH Đa Trạch, huyện Khoái Châu	1/8/2018	116.972.677	51.987.856	32.492.411	32.492.410			01 năm hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ
7	Lê Văn Đam	4/10/1961	Đại học	Giáo viên Trường THCS Tân Châu, huyện Khoái Châu	1/8/2018	204.927.960	87.203.387	43.601.694	74.122.879			01 năm hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ
B	Khoá xã					136.164.280	65.832.107	38.481.533	31.850.640			
1	Bùi Quang Tuynh	5/1/1961	Trung cấp	Công chức Tài chính-kế toán, xã Đức Thắng, huyện Tiên Lữ	1/10/2018	58.437.540	25.972.240	18.511.600	13.913.700			02 năm liên tiếp hoàn thành nhiệm vụ nhưng hạn chế về năng lực
2	Vũ Duy Núi	14/4/1960	Trung cấp	Công chức Địa chính-nông-nghiệp-xây dựng, xã Hải Triều, huyện Tiên Lữ	1/10/2018	-	-	-	-			02 năm liên tiếp hoàn thành nhiệm vụ nhưng hạn chế về năng lực
3	Vũ Đình Chúc	20/2/1962	Trung cấp	Công chức Tài chính-kế toán, xã Hải Triều, huyện Tiên Lữ	1/10/2018	77.726.740	39.859.867	19.929.933	17.936.940			02 năm liên tiếp hoàn thành nhiệm vụ nhưng hạn chế về năng lực
Tổng Cộng						1.244.003.501	593.496.942	288.034.905	362.471.654	-	-	